

Số: 17/2020/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 14 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định giá bồi thường, hỗ trợ vườn cây cao su của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty cao su Đồng Nai khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 06 năm 2012;

Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013 ;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 ;

Căn cứ Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính Phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về thẩm định giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1904/TTr-STC ngày 20 tháng 4 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định giá bồi thường, hỗ trợ giá vườn cây cao su của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty cao su Đồng Nai khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh



Quyết định này quy định giá bồi thường, hỗ trợ vườn cây cao su của Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Cao su Đồng Nai khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao đất do Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Cao su Đồng Nai quản lý, sử dụng; Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Cao su Đồng Nai; các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Giá bồi thường, hỗ trợ

a) Giá bồi thường cây cao su thực hiện theo mức giá quy định tại số thứ tự thứ nhất Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 11/2019/QĐ-UBND ngày 15/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh, cụ thể như sau:

STT	Loại cây	ĐVT	Đơn giá (đồng)
1	Vườn ươm cao su	m ²	7.000
2	Vườn nhân giống cao su	m ²	35.000
3	Di dời stum cây cao su giống trồng trong bầu	cây	1.000
4	Cây từ 01 đến 04 năm tuổi	cây	140.000
5	Cây từ 05 đến 10 năm tuổi	cây	270.000
6	Cây từ 11 đến 20 năm tuổi	cây	360.000
7	Cây từ 21 đến 25 năm tuổi	cây	180.000
8	Cây trên 25 năm tuổi	cây	90.000

Tùy theo tình hình thực tế, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng được bồi thường cho số lượng cây vượt mật độ không quá 20%. Mật độ cây cao su là 833 cây/ha.

b) Hỗ trợ các loại (bao gồm hỗ trợ tài sản trên đất, hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất còn lại, hỗ trợ chế độ trợ cấp ngừng việc và hỗ trợ đảm bảo có chỗ ở, ổn định đời sống, sản xuất và công bằng với người có đất bị thu hồi): 475.000.000 đồng/ha.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 5 năm 2020 và thay thế Quyết định số 47/2015/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành giá bồi thường, hỗ trợ vườn cây cao su của Công ty TNHH MTV Tổng công ty cao su Đồng Nai khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Long Khánh và Biên Hòa; Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Cao su Đồng Nai, Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS, PVB (20 bản).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Quốc Hùng

